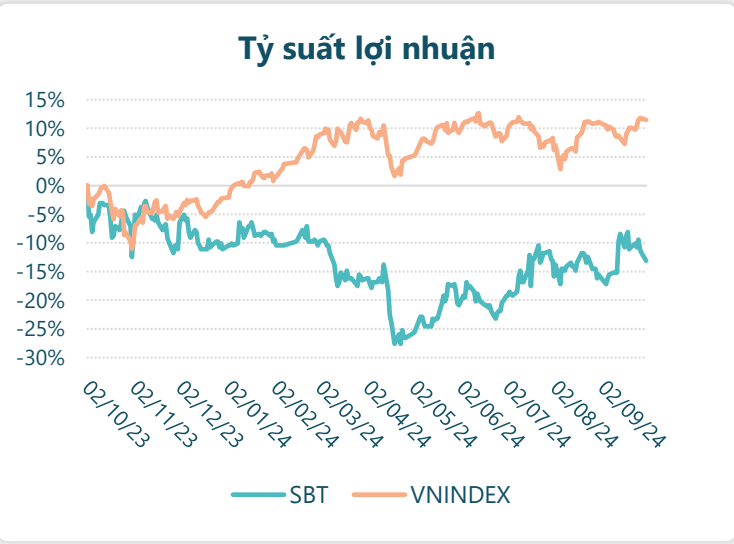


Ngày	12,900 VNĐ		
30/09/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.8%	6.6%	3.6%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,750 - 14,850
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	9,552
Số lượng CPLH (CP)	740,500,993
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,732,400
Sở hữu nước ngoài	21.9%
Beta	1.11
EPS	1,040
P/E	12.4



Doanh thu thuần
Q3/24

6,822

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2,655 | -28.0%

YoY: ▲ 456 | 7.2%

Nợ/VCSH
Q3/24

214%

YoY: +/-▲ 8.1%

LN gộp
Q3/24

841

tỷ VNĐ

QoQ: ▼111 | -11.7%

YoY: ▲ 144 | 20.6%

ROE (TTM)
Q3/24

7.1%

YoY: +/-▲ 0.2%

LN trước thuế
Q3/24

265

tỷ VNĐ

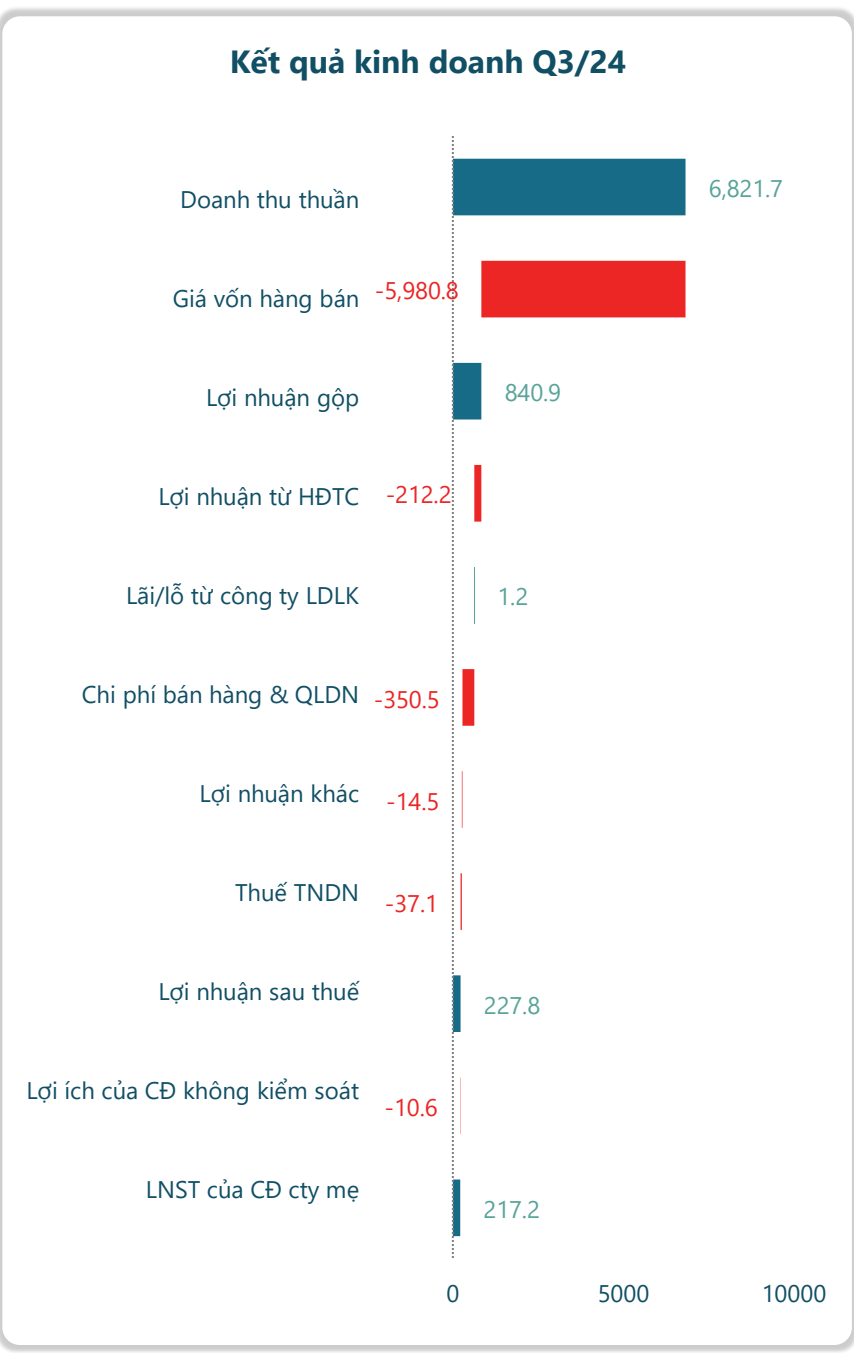
QoQ: ▲ 39.0 | 17.2%

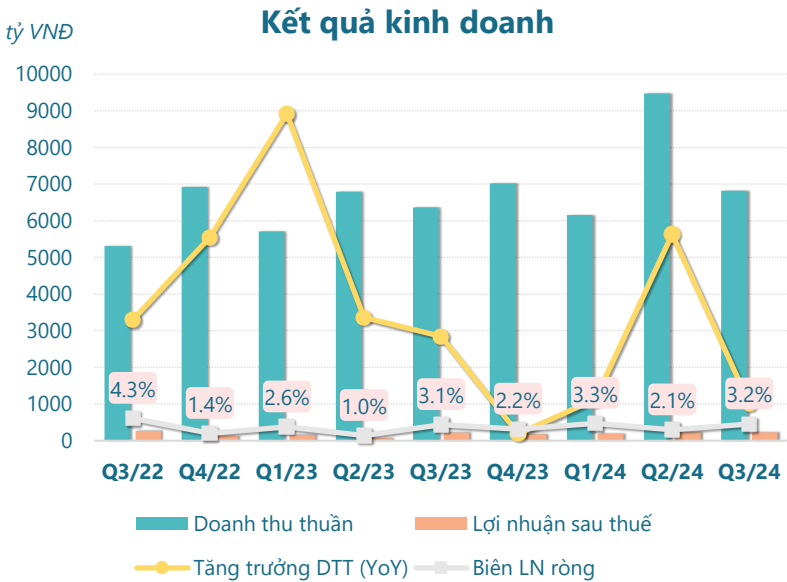
YoY: ▲ 12.0 | 4.7%

ROA (TTM)
Q3/24

2.4%

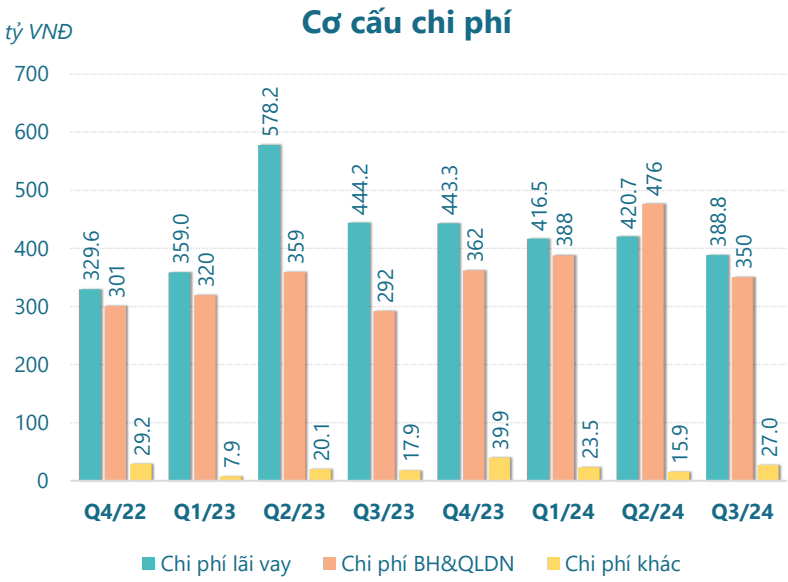
YoY: +/-▲ 0.0%





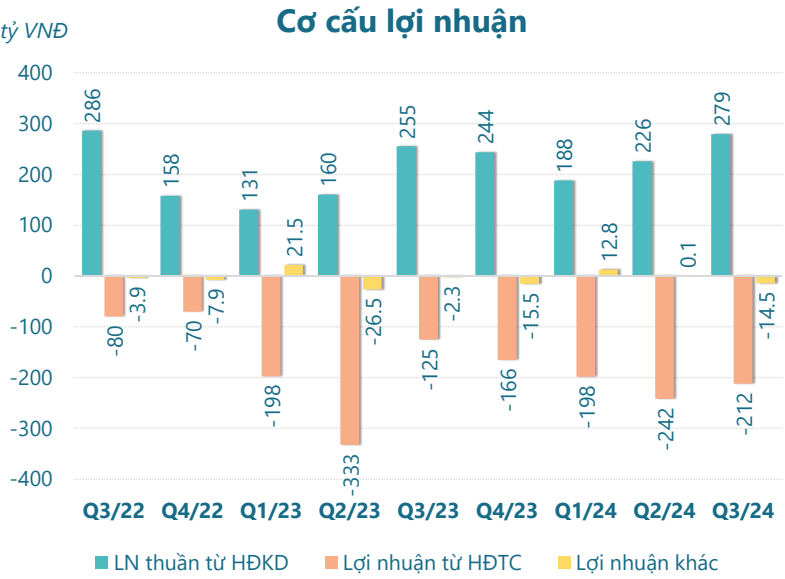
Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 279.4 tỷ đồng**, tăng thêm 23.7% so với kỳ trước và cao hơn 9.51% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 212.2 tỷ đồng** tăng thêm 29.77 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 87.14 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 14.46 tỷ đồng** giảm đi 12150% so với kỳ trước và giảm đi 12.19 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **SBT** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **6,822 tỷ đồng** tăng thêm **7.15%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 227.8 tỷ đồng, tăng trưởng 5.06%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **22,458 tỷ đồng** cao hơn 19.0% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 639.0 tỷ đồng** cao hơn 44.9% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **388.8 tỷ đồng** giảm đi 7.59% so với kỳ trước và thấp hơn 12.5% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **350.5 tỷ đồng** giảm đi 26.4% so với kỳ trước và cao hơn 20.1% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **27.04 tỷ đồng** tăng thêm 70.6% so với kỳ trước và cao hơn 51.1% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	6,822	9,477	-28.0%	6,366	7.2%	22,458	18,874	19.0%
Giá vốn hàng bán	5,981	8,525	-29.8%	5,670	5.5%	19,879	16,652	19.4%
Lợi nhuận gộp	841	952	-11.7%	697	20.6%	2,578	2,222	16.0%
Doanh thu HĐTC	319	171	86.8%	413	-22.7%	791	960	-17.6%
Chi phí TC	532	413	28.7%	538	-1.2%	1,444	1,616	-10.6%
Chi phí lãi vay	389	421	-7.7%	444	-12.4%	1,226	1,381	-11.3%
LN trong công ty LKLD	1.18	-7.94	115%	-24.8	105%	-17.4	-49.5	64.8%
Chi phí bán hàng	164	179	-8.2%	152	8.1%	549	473	16.1%
Chi phí QLDN	186	298	-37.5%	139	33.9%	666	498	33.8%
LN thuần từ HĐKD	279	226	23.6%	255	9.6%	693	546	26.9%
Lợi nhuận khác	-14.5	0.12	-12152%	-2.27	-537%	-1.57	-7.30	78.4%
LN trước thuế	265	226	17.2%	253	4.7%	692	539	28.3%
Lợi nhuận sau thuế	228	224	1.7%	217	5.0%	639	441	44.9%
LNST của CĐ cty mẹ	217	195	11.4%	195	11.4%	616	411	50.0%

